

CÔNG TY TNHH KINH DOANH TỔNG HỢP TRUNG ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH TỔNG HỢP TRUNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNG ANH BUSINESS GENERAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRUNG ANH BG CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109288650

3. Ngày thành lập: 29/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

2B Hẻm 475/20/36 Nguyễn Trãi, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
4.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
8.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
15.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
16.	Xây dựng nhà không để ở	4102

17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động; + Bảo dưỡng thông thường.	4520
18.	Phá dỡ	4311
19.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
21.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
22.	Xây dựng công trình điện	4221
23.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
24.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
25.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
26.	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu.	4291
27.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
28.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
30.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
32.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
35.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
36.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
39.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
41.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
42.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
43.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
44.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
46.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
47.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
48.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
49.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
51.	Bán buôn thực phẩm	4632
52.	Bán buôn đồ uống	4633
53.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
54.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
55.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
56.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
57.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
58.	Bốc xếp hàng hóa	5224
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
60.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
61.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
62.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
63.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
64.	Sản xuất giày, dép	1520
65.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
66.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
67.	Sản xuất sợi	1311
68.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
69.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
70.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
71.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
74.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
75.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
76.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
77.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
78.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Loại trừ đấu giá	4610

79.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Loại trừ đầu giá	4774
80.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Loại trừ đầu giá	4791
81.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Loại trừ đầu giá	4799
82.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
83.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
84.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
85.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
86.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
87.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
88.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
89.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
90.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
91.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
92.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
93.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
94.	Chăn nuôi gia cầm	0146
95.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
96.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
97.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
98.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
99.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
100.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
101.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
102.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
103.	Sản xuất đường	1072
104.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
105.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
106.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
107.	Sản xuất cà phê	1077
108.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
109.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
110.	Đúc sắt, thép	2431
111.	Đúc kim loại màu	2432
112.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

113.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Loại trừ đầu giá; trừ loại cấm.	4690
114.	Chăn nuôi khác	0149

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN HẢO	Thôn Đa Cốc, Xã Bình Thanh, Huyện Kiên Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	750.000.000	25,000	034079003928	
2	LÊ THỊ DẬU	2B Hẻm 475/20/36 Nguyễn Trãi, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	750.000.000	25,000	034181002726	
3	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	2B Hẻm 475/20/36 Nguyễn Trãi, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	034079006212	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/07/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034079006212

Ngày cấp: 27/02/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2B Hẻm 475/20/36 Nguyễn Trãi, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 2B Hẻm 475/20/36 Nguyễn Trãi, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội